

Đơn đặt hàng / Purchase Order

Được phê duyệt bởi: Lê Khắc Bình



|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Thông tin xuất hóa đơn (Billing Information)</b><br>CHI NHÁNH THÁI BÌNH - CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI<br>TỔNG HỢP WINCOMMERCE<br>Số 460, phố Lý Bôn, Phường Trần Hưng Đạo, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam<br>MST: 0104918404-044<br><b>Địa chỉ giao hàng (Delivery Address)</b><br>2B54-WM+ TBH 306 Đường 3 Tháng 2<br>2B54 - WM+ TBH 306 Đường 3 Tháng 2<br>Số 306 Đường 3 Tháng 2, Thị trấn Diêm Điền, Huyện Thái Thụy T. Thái Bình Việt Nam | <b>Thông tin đơn hàng (Information)</b><br>Số đơn hàng (PO No.) 4178230341<br>Ngày đặt hàng (PO date) 09.10.2025<br>Nhóm đặt hàng (Purchaser) 101 - T.P tươi sống CB<br>Người đặt hàng (Purchaser) Lê Khắc Bình<br>Số điện thoại<br>Email binhlk@winmart.masangroup.com<br>Ngày giao (Delivery Date) 16.10.2025<br>Ghi chú PO VUNG |
| <b>Nhà cung cấp (Supplier): 0002010660</b><br>CTY CP ĐẠI THUẬN PHÂN PHỐI<br>59-61 Nguyễn Trường Tộ, Phường Xóm Chiếu,                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

| Stt (No.) | Tên hàng (Item Description)                       | Mã vạch (Barcode) | Số lượng (Quantity) | ĐVT (Unit) | Đơn giá (Unit Price) | Thành tiền (VND) (Amount) |
|-----------|---------------------------------------------------|-------------------|---------------------|------------|----------------------|---------------------------|
| 10        | 10006158<br>BINGGRAE Kem bánh cá đậu đỏ gói 150ml | 8801104190718     | 32                  | CAI        | 23,000               | 736,000                   |
| 11        | 10006158<br>BINGGRAE Kem bánh cá đậu đỏ gói 150ml | 8801104190718     | 16                  | CAI        | 0                    | 0                         |
| 20        | 10006161<br>BINGGRAE Kem dừa lưới cây 80ml        | 8801104122504     | 40                  | CAI        | 18,900               | 756,000                   |
| 21        | 10006161<br>BINGGRAE Kem dừa lưới cây 80ml        | 8801104122504     | 20                  | CAI        | 0                    | 0                         |
| 30        | 10006162<br>BINGGRAE Kem Melona dâu cây 80ml      | 8801104900034     | 32                  | CAI        | 18,900               | 604,800                   |
| 31        | 10006162<br>BINGGRAE Kem Melona dâu cây 80ml      | 8801104900034     | 16                  | CAI        | 0                    | 0                         |
| 40        | 10006178<br>CREMO Kem viên Atom 44g               | 8850387004670     | 20                  | CAI        | 13,636               | 272,720                   |
| 41        | 10006178<br>CREMO Kem viên Atom 44g               | 8850387004670     | 10                  | CAI        | 0                    | 0                         |
| 50        | 10334841<br>BINGGRAE Kem bánh cá quả mọng 150ml   | 8801104943550     | 32                  | CAI        | 24,500               | 784,000                   |
| 51        | 10334841<br>BINGGRAE Kem bánh cá quả mọng 150ml   | 8801104943550     | 16                  | CAI        | 0                    | 0                         |
| 60        | 10334842<br>BINGGRAE Kem bánh cá su kem 150ml     | 8801104942485     | 20                  | CAI        | 24,500               | 490,000                   |
| 61        | 10334842<br>BINGGRAE Kem bánh cá su kem 150ml     | 8801104942485     | 10                  | CAI        | 0                    | 0                         |

| Sst<br>(No.)                                    | Tên hàng<br>(Item Description) | Mã vạch<br>(Barcode) | Số lượng<br>(Quantity) | ĐVT<br>(Unit) | Đơn giá<br>(Unit Price) | Thành tiền (VND)<br>(Amount) |
|-------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------|------------------------|---------------|-------------------------|------------------------------|
| Tổng giá trị trước thuế (Total excl VAT amount) |                                |                      |                        |               |                         | 3,643,520                    |
| - 5% (VAT)                                      |                                |                      |                        |               |                         | 0                            |
| - 8% (VAT)                                      |                                |                      |                        |               |                         | 291,481.6                    |
| - 10% (VAT)                                     |                                |                      |                        |               |                         | 0                            |
| - 15% (VAT)                                     |                                |                      |                        |               |                         | 0                            |
| Thuế GTGT (VAT Amount)                          |                                |                      |                        |               |                         | 291,481.6                    |
| Tổng giá trị đơn hàng (Total amount)            |                                |                      |                        |               |                         | 3,935,001.6                  |

Người lập đơn hàng  
(Created By)

Quản lý ngành hàng  
(Department Manager)

Quản lý siêu thị  
(Store Manager)

Giám đốc cấp 2  
(Regional Director)

Nhà cung cấp lưu ý:

- Giá mua trên đơn đặt hàng là giá mua chính thức, nếu có chênh lệch so với báo giá thì báo lại nhân viên đặt hàng để điều chỉnh giá trước khi giao hàng.
- Vui lòng điền số đơn đặt hàng và mã nhà cung cấp vào hóa đơn và phiếu giao hàng.